TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/07/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Phương và bà Lê Thị Hồng Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Bùi Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 227/2026/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đỗ Hoàng Đức H, sinh năm 2000. Nơi thường trú: ấp H, xã H, Thành phố Đ.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Mai Thanh T, sinh năm 2000. Nơi thường trú: số C N, phường D, Thành phố Đ.

Chỗ ở hiện nay: tổ A, khu phố H, phường D, Thành phố Đ.

(Anh Đỗ Hoàng Đức H có đơn xin vắng mặt, chị Nguyễn Mai Thanh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản công khai tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn là anh Đỗ Hoàng Đức H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Hoàng Đức H và chị T đăng ký kết hôn số 32 ngày 10/5/2022 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Đ). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên, thời gian gần đây, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp, tuyên xuyên cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại với nhau nói chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Hiện này vợ chồng đã ly thân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không

thể tiếp tục chung sống nên anh Đỗ Hoàng Đức H yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Mai Thanh T.

- Về con chung: Theo anh H trình bày, vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Nguyễn Gia B, sinh ngày 30/7/2022. Khi ly hôn anh H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Đỗ Hoàng Đức H không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Đỗ Hoàng Đức H trình bày không có nợ chung.

** Bị đơn chị Nguyễn Mai Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày, tranh luận.*

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* (1) Về quan hệ hôn nhân: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Đỗ Hoàng Đức H được ly hôn với chị Nguyễn Mai Thanh T (2)Về con chung: Giao con là Đỗ Nguyễn Gia B, sinh ngày 30/7/2022 cho anh Đỗ Hoàng Đức H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu; (3) Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết; (4) Về án phí: đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: anh Đỗ Hoàng Đức H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Mai Thanh T và yêu cầu trực tiếp nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp cần giải quyết trong vụ án được xác định là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Nguyễn Mai Thanh T có nơi thường trú tại địa chỉ số C N, phường D, Thành phố Đ và chỗ ở tại địa chỉ tại tổ A, khu phố H, phường D, Thành phố Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệp tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Hoàng Đức H và chị Nguyễn Mai Thanh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn

số 32 ngày 10/5/2022 tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Đ) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh H, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện, tìm cách hàn gắn nhưng không thành, hiện đã ly thân. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với chị T.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã phát sinh trong quá trình chung sống, hai bên đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả và hiện đã ly thân. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Đỗ Hoàng Đức H được ly hôn với chị Nguyễn Mai Thanh T.

[4] Về con chung: Anh H và chị T có 01 con chung là cháu Đỗ Nguyễn Gia B, sinh ngày 30/7/2022. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu B còn nhỏ, anh H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt và sự ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B, cần giao cháu B cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định tại Điều 79, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tạm thời, chị T không cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu.

[5] Về tài sản, nợ chung: Anh Đỗ Hoàng Đức H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét. Về nợ chung, anh Đỗ Hoàng Đức H trình bày không có, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Đỗ Hoàng Đức H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó anh Đỗ Hoàng Đức H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 19, 51, 56, 70, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Đỗ Hoàng Đức H về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" với bị đơn chị Nguyễn Mai Thanh T

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Anh Đỗ Hoàng Đức H được ly hôn với chị Nguyễn Mai Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Đỗ Nguyễn Gia B, sinh ngày 30/7/2022 cho anh Đỗ Hoàng Đức H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Tạm thời chị Nguyễn Mai Thanh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do anh H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Hoàng Đức H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0006258 ngày 20/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Đ). Anh H đã nộp đủ án phí

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Phòng THA Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Hưng Thịnh (GCNKH số: 32 ngày 10/05/2022 (xã Hưng Thịnh cũ), để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Cường